TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-ST
Ngày: 18/5/2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Văn Em
2. Ông Phan Thành Phước

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXX-ST ngày 06/4/2023; quyết định hoãn phiên tòa: 57/2023/QĐST - DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trương Văn M, sinh năm 1969
Địa chỉ: ấp T, xã M1, huyện B, tỉnh Bến Tre
Ông M ủy quyền cho ông Phan Văn D, sinh năm 1989
Địa chỉ: ấp N, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre
Bị đơn: Trần Thị N1, sinh năm 1969
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Mai Văn N2, sinh năm 1968
Cùng địa chỉ: ấp T2, xã T3, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Khu phố T2, thị trấn T3, huyện B, tỉnh Bến Tre)

(Ông D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà N1, ông N2 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2022; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn D có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Vào năm 2016 tôi có hợp đồng miệng bán thức ăn nuôi heo, gà, cho bà Trần Thị N1 và ông Mai Văn N2, khi mua bán hai bên thỏa thuận là sau khi bán heo, gà thanh toán tiền cho từng lần bán. Việc chăn nuôi là nhằm phát triển kinh tế gia đình. Hai bên điều có lập sổ để theo dõi việc mua bán. Đến tháng 3 năm 2017hai bên kết thúc mua bán với nhau do bà N1 và ông N2 vi phạm việc trả nợ sau khi gà, heo xuất chuồng không tiến hành trả tiền cho ông M theo thỏa thuận ban đầu. Ngày 26 tháng 8 năm 2017 hai bên tiến hành tổng kết

nợ thì bà N1 và ông N2 còn nợ ông M số tiền 121.155.000 đồng. Bà N1 có đại diện ký tên vào giấy xác nhận nợ. Từ tháng 8/2017 đến nay, ông M có nhiều lần yêu cầu bà N1 và ông N2 thanh toán nợ cho ông nhưng ông, bà chỉ hứa hẹn nhưng không trả.

Nay ông Trương Văn M yêu cầu bà Trần Thị N1 và ông Mai Văn N2 liên đới trả cho ông M số tiền nợ thức ăn là 121.115.000 đồng , không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Trần Thị N1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn N2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có lời trình bày mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã được Tòa án tống đạt giấy mời và toàn bộ hồ sơ khởi kiện (bản pho to) của ông Trương Văn M, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ cho bà N1, ông N2 nhưng ông, bà vẫn cố tình vắng mặt không lý do không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán.

Ông Phan Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Trần Thị N1 và ông Mai Văn N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông D, bà N1, ông N2 là phù hợp.

[4] Nội dung vụ án:

Ông Trương Văn M yêu cầu bà Trần Thị N1 và ông Mai Văn N2 liên đới trả tiền nợ thức ăn là 121.155.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Thấy rằng ông Trương Văn M có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong đó có bán thức ăn chăn nuôi nên việc ông M thực hiện mua bán thức ăn với bà Trần Thị N1 và ông Mai Văn N2 là đúng quy định dù hai bên không có lập hợp đồng mua bán cụ thể nhưng có lập sổ theo dõi việc mua bán, ngoài ra nguyên đơn đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy có tiêu đề "Giấy xác nhận công nợ" đề ngày 26/8/2017 trong đó thể hiện giữa ông M và bà N1 chốt số tiền nợ là 121.155.000 đồng giữa ông M và bà N1 điều có ký tên xác nhận vào giấy xác nhận công nợ. Do đó việc mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật nguyên đơn không cần phải chứng minh. Đối với bà Trần Thị N1 và ông Mai Văn N2 dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, giấy mời tham dự hòa giải cũng như phiên tòa nhiều lần nhưng ông bà điều cố tình vắng mặt không lý do và không có văn bản ý kiến trình bày gì. Do đó xem như bà N1 và ông N2 đã tự từ bỏ quyền lợi của mình trong vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán đối với nguyên đơn ông Trương Văn M nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Văn M buộc bà Trần Thị N1 và ông Mai Văn N2 có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Trương Văn M số tiền thức ăn còn nợ là 121.115.000 đồng. Việc ông Trương Văn M không yêu cầu tính lãi là sự tự nguyện của ông nên ghi nhận.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn M được chấp nhận nên buộc bà Trần Thị N1 và ông Mai Văn N2 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 121.115.000 đồng x 5% = 6.055.700 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Trương Văn M đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trương Văn M

Buộc bà Trần Thị N1 và ông Mai Văn N2 liên đới hoàn trả số tiền nợ thức ăn cho ông Trương Văn M là 121.115.000 đồng.

Ghi nhận ông Trương Văn M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà Trần Thị N1 và ông Mai Văn N2 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự giá ngạch sơ thẩm:

Buộc Bà Trần Thị N1 và ông Mai Văn N2 phải liên đới nộp 6.055.700 đồng.

Hoàn trản tiền tạm ứng án phí cho ông Trương Văn M số tiền 3.028.000 đồng tại biên lai thu số 0000586 ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

3. Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Đỉnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).